

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2023/DS-PT

Ngày: 20/3/2023

V/v “Tranh chấp về BTTH
do sức khỏe bị xâm phạm”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 289/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp dân sự Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST ngày 27/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2022/QĐ- PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/3/2022.

- Các bị đơn: + Ông Nguyễn Bảo S, sinh năm 1955;

Địa chỉ: G, tổ C, khóm M, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Bảo S là anh Trần Đình H, sinh

năm 1989; Địa chỉ: số B N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2022.

+ Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Võ Trung D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Ông V, anh H, anh D; các đương sự còn lại vắng mặt).

* Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bảo S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị N, đại diện ủy quyền ông Nguyễn Văn V trình bày:

Khoảng 13 giờ, ngày 15/10/2020 bà Bùi Thị N thuê anh Lê Võ Trung D chở đi đám cưới trên nhà hàng ở Thành phố C bằng xe mô tô biển số 66F1-163.73. Trên đường về đoạn qua cầu C đi hướng V thuộc địa phận xã N, huyện C thì xảy ra va chạm giao thông. Nguyên nhân do ông Nguyễn Bảo S điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 66K9-4153 mà trong hơi thở có nồng độ cồn, không chú ý quan sát đụng vào phía sau đuôi xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 66F1-163.73 do anh Lê Võ Trung D điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước có chở bà N ngồi phía sau, tỷ lệ tổn thương của bà N là 39%. Sau đó xe ông S tiếp tục lao sang phần đường bên trái và va chạm với xe máy biển số 66F1 – 55026 do Lê Tấn Đ điều khiển. Do đó bà N xác định ông S là người có lỗi trong vụ tai nạn nên yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại và không yêu cầu anh Đ và anh D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho sức khỏe của bà N.

Sau cú va chạm, bà N bị gãy chân trái phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1. Vài tiếng sau, bà N được chở lên bệnh viện C để điều trị vết thương, sau đó được chuyển qua Bệnh viện Đ1 và điều trị bệnh nghề nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục điều trị. Vết thương khá lớn thì được chuyển về bệnh viện Đ1 điều trị tiếp.

Chi phí phẫu thuật, điều trị tại bệnh viện khá tốn kém, gia đình bà N khó khăn, bà N là lao động chính trong gia đình, công việc là buôn bán nhỏ. Xảy ra tai nạn bà N phải đi vay mượn để điều trị, hiện tại sức khỏe còn yếu.

Công an huyện có lập biên bản hiện trường lúc xảy ra tai nạn và có làm việc với các bên để thỏa thuận mức bồi thường nhưng ông S không đồng ý.

Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Bảo S và anh Lê Tấn Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, các khoản yêu cầu:

- Bà Nguyệt nhập viện điều trị từ 15/10/2020 đến ngày 04/02/2021, khi đó bà N không tự vệ sinh cá nhân được phải thuê người nuôi bệnh, cụ thể:

+ Chi phí khám, phẫu thuật, siêu âm, tiền thuốc, tiền giường bệnh từ ngày

15/10/2020 đến ngày 04/02/2021 là 58.118.000 đồng(có hóa đơn kèm theo).

+ Chi phí đi lại: tiền xe vận chuyển đi cấp cứu, chuyển viện đi thành phố Hồ Chí Minh, xuất viện, nhập viện ở **Bệnh viện Đ1 (Bệnh viện Đ1)**, tổng cộng 10.400.000 đồng, cụ thể:

Ngày 15/10/2020 và taxi từ nơi xảy ra tai nạn đến bệnh viện và xe cứu thương số tiền 2.200.000 đồng;

Ngày 04/11/2020 xe cứu thương số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 02/12/2020 xe từ **Bệnh viện PHCN tỉnh Đ1** về nhà số tiền 250.000.000 đồng;

Ngày 03/12/2020 đi tái khám ở Bệnh viện phục hồi chức năng và điều trị bệnh nghề nghiệp Hồ Chí Minh (**Bệnh viện P**) số tiền là 600.000 đồng;

Ngày 07/12/2020 xe cứu thương từ **Bệnh viện Đ1** đến **Bệnh viện P** số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 25/12/2020 xe từ **Bệnh viện P** về **Bệnh viện PHCN tỉnh Đ1** số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 22/01/2021 xe từ **Bệnh viện PHCN tỉnh Đ1** về nhà là 250.000.000 đồng;

Ngày 25/01/2021 đi tái khám ở **Bệnh viện P** số tiền là 600.000đồng;

Ngày 27/01/2021 nhập viện tại **Bệnh viện PHCN tỉnh Đ1** số tiền là 500.000 đồng).

+ Tiền công người nuôi bệnh từ ngày 15/10/2020 - 25/01/2021 là 100 ngày x 200.000 đồng = 20.000.000 đồng.

+ Thu nhập của bà **N** bị mất do phải điều trị thương tích từ ngày 15/10/2020 - 04/02/2021 (04 tháng) 120 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 24.000.000 đồng.

+ Tiền tổn thất tinh thần yêu cầu 30 tháng lương cơ sở là 1.490.000 đồng x 30 tháng = 44.700.000 đồng.

Tổng cộng 157.218.000 đồng.

Trong thời gian nằm viện, bà **N** có nhận của ông **S** 5.000.000đồng, anh **Đ** 3.000.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà **N** yêu cầu ông **Nguyễn Bảo S** bồi thường gồm:

+ Chi phí khám, phẫu thuật, siêu âm, tiền thuốc, tiền giường bệnh là 58.118.000 đồng.

+ Chi phí đi lại, vận chuyển đi cấp cứu, chuyển viện 10.400.000 đồng.

+ Tiền công người nuôi bệnh 20.000.000 đồng.

+ Thu nhập bà **N** bị mất 22.600.000 đồng.

+ Tiền tổn thất tinh thần 44.700.000 đồng.

Tổng cộng 155.818.000 đồng, bà N đồng ý trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà bà N đã nhận của ông S. Số tiền còn lại bà N yêu cầu ông S phải bồi thường là 150.818.000 đồng.

Các bị đơn:

+ Ông Nguyễn Bảo S trình bày:

Ngày 15/10/2020 trên đường đi đám về (trong tiệc ông S có uống hơn 01 chai bia), ông S điều khiển xe mô tô biển số 66K9 - 4153 từ hướng cầu C chạy về hướng vàm Trà Bông thuộc địa phận xã N, ông S chạy với tốc độ khoảng 30km/h (ông không xem đồng hồ thể tốc độ xe chạy mà do bình thường ở đường nông thôn ông chạy với tốc độ 30km/h). Ông S điều khiển xe chạy phía sau xe anh D đang chở bà N ngồi phía sau. Trên đường chạy về thì ông S nghe tiếng la “Chạy gì kỳ vậy” nhưng không biết ai la, lúc này anh D chạy xe theo hướng ngược chiều, lại chạy tới trước mặt ông lấn làn đường nên ông tránh xe về bên trái. Lúc này xe ông S không bị ngã, chỉ nghiêng xuống đường và ông dừng lại dựng xe, ông không bị té, không bị trầy xước gì, đồ dùng được treo trên xe phía bên phải vẫn còn không bị văng xuống đường. Sau đó ông S mới nghe tiếng la là bà N bị thương, nên ông S và một người gần nhà ra đỡ bà N khỏi xe cho ngồi xuống đất, đợi xe cứu thương đến.

Ông S xác định ông không là người trực tiếp gây tai nạn cho bà N (bà N ngồi trên xe của anh D). Còn ai là người gây tai nạn cho bà N thì ông không biết. Tại phiên tòa ông S xác nhận người gây tai nạn cho anh D và bà N là anh Lê Tấn Đ. vì xe ông S và xe anh D ở khoảng cách xa, không có điều kiện tiếp xúc nên không có khả năng xảy ra va chạm. Nên ông S không đồng ý bồi thường theo yêu cầu bà N,

Ông S có hỗ trợ cho bà N số tiền là 5.000.000 đồng để điều trị thương tích, nay không yêu cầu bà N trả lại.

Ông S không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với anh Đ, anh D. Sau khi xảy ra tai nạn thì ông S bị Công an huyện C giữ xe biển số 66K9-4153 cho đến nay. Ông S sẽ yêu cầu Công an huyện C trả lại xe sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

+ Anh Lê Tấn Đ trình bày:

Anh Đ xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn là do ông Nguyễn Bảo S điều khiển xe biển số 66K9-4153 mà trong hơi thở có nồng độ cồn, không chú ý quan sát đụng vào phía sau đuôi xe mô tô biển số 66F1-163.723 do anh Lê Võ Trung D điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước có chở bà N ngồi phía sau, tỷ lệ tổn thương của bà N là 39%, sau đó xe của ông S tiếp tục lao sang phần đường bên trái và va chạm với xe biển số 66F1-550.26 do anh Đ điều khiển như kết quả Cơ quan Điều tra Công an huyện C đã thông báo. Khi tham gia giao thông anh Đ không có sử dụng rượu bia hay chất kích thích khác.

Khi bà N bị tai nạn anh Đ có hỗ trợ 3.000.000đồng, nay không yêu cầu bà N trả.

Sau khi xảy ra tai nạn thì anh **D** bị **Công an huyện C** giữ xe biển số 66F1-550.26; nay anh **D** không yêu cầu giải quyết đối với chiếc xe (chi phí sửa chữa, thiệt hại do bị giam xe và việc nhận lại xe) trong vụ kiện này, khi nào có yêu cầu thì anh **D** sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Anh **D** không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với ông **S** và anh **D**.

- Người liên quan anh Lê Võ Trung D trình bày:

Ngày 15/10/2020, anh **D** (chạy xe ôm) điều khiển xe biển số 66F1-163.73, chở bà **N** đi thăm ở **thành phố C**, trên đường về đến **xã N, hướng cầu C** đi vàm Trà Bông (anh **D** không có uống rượu bia hay chất kích thích) thì ông **S** điều khiển xe mô tô chạy phía sau cho xe vượt mặt qua xe anh **D** thì quẹt xe phía bên trái, quẹt trúng vào chân trái bà **N**, sau đó xe anh **D** ngã xuống đường, xe ông **S** lao về phía trước va chạm với xe anh **D** đang chạy theo chiều ngược lại. Lúc xảy ra tai nạn thì anh **D** chỉ bị xây xát nhẹ, bà **N** bị gãy chân trái, phải đưa đi cấp cứu.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do ông **S** chạy xe vượt mặt anh **D** không chú ý quan sát và có nồng độ cồn trong máu, làm cho bà **N** bị chấn thương.

Đối với yêu cầu của bà **N** thì anh **D** không có ý kiến gì.

Sau khi xảy ra tai nạn thì anh **D** bị **Công an huyện C** giữ xe 66F1-163.73 đến nay. Nay anh **D** không yêu cầu giải quyết đối với chiếc xe (chi phí sửa chữa, thiệt hại do bị giam giữ xe và việc nhận lại xe) và cũng không yêu cầu ai có trách nhiệm bồi thường cho anh **D** trong vụ kiện này, khi nào có yêu cầu thì anh **D** sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Vào ngày 15/10/2020 ông **T1** đang sửa kiềng (uốn mai) trước cửa nhà thì thấy ông **S** điều khiển xe wave màu đỏ đang chạy xe với tốc độ nhanh, chạy phía sau xe của anh **D** (anh **D** đang chở bà **N** ngồi ở phía sau). Ông **S** đang chạy xe chuẩn bị vượt mặt xe của anh **D** thì phát hiện xe của anh **D** đang chạy hướng ngược chiều với tốc độ nhanh nên tránh xe về bên phải nên đã va chạm vào phần đuôi phía sau xe của anh **D** trúng vào chân trái của bà **N** làm cho anh **D**, bà **N** ngã xuống đường. Sau đó xe của ông **S** mới tiếp tục va chạm với xe của anh **D**. Ông **T1** xác định nguyên nhân vụ tai nạn là do ông **S** điều khiển xe thiếu quan sát.

** Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST ngày 27/8/2022 của Tòa án huyện Cao Lãnh đã quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Buộc ông **Nguyễn Bảo S** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà **Bùi Thị N** số tiền 150.818.000đồng.

- Án phí: Ông **Nguyễn Bảo S** không phải chịu do thuộc diện người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 09/9/2022 ông Nguyễn Bảo S kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án

theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà **Bùi Thị N**, đại diện ủy quyền ông **Nguyễn Văn V** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông **S** bồi thường thiệt hại sức khỏe số tiền 150.818.000đồng.

+ Bị đơn Ông **Nguyễn Bảo S**, đại diện ủy quyền anh **Trần Đình H** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng không gây tai nạn làm bà **N** bị gãy chân nên không đồng ý bồi thường số tiền 150.818.000đồng theo yêu cầu bà **N**.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận việc thay đổi yêu cầu của người ủy quyền của nguyên đơn, theo đó chỉ tính chi phí chuyển đi và về theo xác nhận của **Bệnh viện Đ1**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông **Nguyễn Bảo S** kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà **Bùi Thị N**. Xét thấy:

[1] Bà **N1**, ông **S**, anh **Đ** và anh **D** đều xác nhận vào khoảng 13 giờ, ngày 15/10/2020 tại khu vực **ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** giữa anh **D**, anh **D** và ông **S** có xảy ra tai nạn giao thông với nhau. Ông **S** là người có lỗi vì ông **S** điều khiển xe mô tô biển số 66K9-4153 chạy không đúng quy định, điều khiển xe khi trong hơi thở có nồng độ cồn va chạm với xe anh **D** (trên xe đang chở bà **N1** phía sau) gây thương tích cho bà **N1**.

Ông **S** cho rằng ông không có lỗi vì ông điều khiển xe đúng quy định, khoảng cách giữa xe của ông với anh **D** ở rất xa không có điều kiện tiếp xúc nên ông không phải là người trực tiếp va chạm với xe của anh **D** dẫn đến gây thương tích cho bà **N1** nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[2] Bởi lẽ, căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được; đồng thời tại Quyết định số: 16/QĐ-CQĐT ngày 12/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C** kết luận thể hiện nguyên nhân vụ tai nạn giao thông do ông **Nguyễn Bảo S** điều khiển xe biển kiểm soát 66K9-4153 không đúng quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn (0,09miligam/1 lít khí thở), không chú ý quan sát nên đụng vào phía sau đuôi xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F1-163.73 do anh **Lê Võ Trung D** điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước có chở bà **N1** ngồi phía sau; là vi phạm quy định tại điểm c khoản 6; điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Do đó, có căn cứ kết luận lỗi dẫn đến tai nạn giao thông

làm bà **N1** gãy chân là do ông **S** gây ra, nên buộc ông **S** bồi thường thiệt hại cho bà **N1** theo quy định tại Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự.

[3] Sau khi bị tai nạn phải điều trị, bà **N1** yêu cầu bồi thường tổng cộng số tiền 155.818.000đồng – 5.000.000đồng đã nhận của ông **S**, còn lại 150.818.000đồng. Xét thấy:

[3.1] Các khoản chi phí cho việc cứu chữa và điều trị, chi phí tiền thuốc, thời gian điều trị đều có các hóa đơn, chứng từ do bà **N1** cung cấp số tiền 58.118.000đồng là có căn cứ.

[3.2] Thu nhập bị mất của bà **N1**: Xét thấy bà **N1** làm nghề mua bán gạo, tấm, cám ở **chợ N2, huyện C** thu nhập 200.000đồng - 300.000đồng/ ngày; khi bị tai nạn không mua bán được bị mất thu nhập nên yêu cầu bồi thường 200.000 đồng/ngày là phù hợp với mức giá bình quân của lao động phổ thông tại địa phương. Thời gian bị mất thu nhập từ ngày bị tai nạn 15/10/2020 – 04/02/2021 là 113 ngày x 200.000đồng/ ngày = 22.600.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.3] Chi phí cho người nuôi bệnh: Bà **N1** bị thương tích ở chân không đi lại được từ ngày 15/10/2020 đến ngày 04/02/2021 là 113 ngày, trong thời gian này bà **N1** thuê người chăm sóc (bà **K**) từ ngày 15/10/2020 - 25/01/2021 là 100 ngày x 200.000đồng/ ngày = 20.000.000đồng là phù hợp.

[3.4] Về tổn thất tinh thần: Sau khi bị thương tích bà **N1** không đi lại được tinh thần bị sụt giảm, tổn thất nên bà **N1** yêu cầu bồi thường bằng 30 tháng lương mức lương cơ sở x 1.490.000đồng/tháng = 44.700.000đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự.

[3.5] Đối với chi phí đi lại, tiền xe chuyển viện: Người đại diện của bà **N1** trình bày có đến **Bệnh viện Đ1, Bệnh viện C, Bệnh viện P** để điều trị và khám số lần đi và về tổng số tiền là 10.400.000 đồng. Xét thấy, việc bà **N1** bị tai nạn gãy chân và có đi điều trị là có thật, nhưng ngoài lời trình bày bà **N1** không cung cấp được hóa đơn chứng từ thể hiện việc đã trả chi phí cho việc chuyển viện và các lần vận chuyển đi điều trị số tiền 10.400.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bà **N1** thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu trả chi phí chuyển viện chuyển đi và chuyển về số tiền (9967.680đồng/ lượt x 2) = 1.935.360đồng theo xác nhận tại công văn số: 411/BVĐK-KHTH ngày 03/3/2023 của **Bệnh viện Đ1**. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của người đại diện ủy quyền của bà **N1** là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa 01 phần án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Xét việc ông **S** kháng cáo cho rằng xe ông điều khiển không va chạm với xe anh **D** làm bà **N1** bị gãy chân, yêu cầu thực nghiệm điều tra dựng lại hiện trường vụ tai nạn, đồng thời trưng cầu giám định việc gãy chân của bà **N1** nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc giám định, điều tra khám hiện trường của cơ quan có thẩm quyền là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Nguyễn Bảo S**, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc buộc ông **S** trả chi phí chuyển viện, đi

lại điều trị và tái khám bệnh của bà **N1** số tiền 1.935.360đồng. Như vậy tổng cộng các khoản buộc ông **S** phải bồi thường cho bà **N1** là 142.353.400đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông **S** không phải phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Nguyễn Bảo S**;
- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 80/DS-ST ngày 27/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị N**.

Buộc ông **Nguyễn Bảo S** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà **Bùi Thị N** số tiền 142.353.400 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông **Nguyễn Bảo S** được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh Lê Thành T2

Nguyễn Thị V1

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án h. Cao Lãnh;
- Chi cục THA DS h. Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu hs vụ án (vh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vĩnh

